

Bản án số: 222/2026/HS-ST

Ngày: 22/4/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Ngọc Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang
2. Ông Nguyễn Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hà Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 219/2026/TLST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 291/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2026 đối với các bị cáo:

1/ Trần Vũ Anh B, sinh năm 1997, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 69/23 C, Khu phố C, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: Không có nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông không rõ và bà Trần Thị Đ; hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ con; tiền án: Ngày 03/01/2020 có hành vi trộm cắp tài sản. Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ xử tù có thời hạn 02 năm 06 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 theo bản án số 13/2020/HS-ST ngày 10/6/2020 đối với Trần Vũ Anh B, chấp hành án theo Quyết định thi hành án số 29/2020/QĐ-CA ngày 17/7/2020. Xác minh tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 trả lời Bằng đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 04/01/2021. Chấp hành xong án phạt tù ngày 28/01/2022. Ngày 05/11/2022 có hành vi trộm cắp tài sản. Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử tù có thời hạn 02 năm 06 tháng theo bản án số 37/2023/HS-

ST ngày 03/3/2023 về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Buộc Bàng bồi thường dân sự số tiền 554.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Chấp hành xong án phạt tù ngày 05/02/2025; tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2025 – Có mặt.

2/ Nguyễn Thanh T, sinh năm 2000, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: E B, Khu phố C, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh T1 (chết) và bà Trần Ngọc B1; hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ con; nhân thân: Ngày 05/01/2019, có hành vi Cướp giật tài sản. Ngày 28/6/2019, Tòa án Nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử tù có thời hạn 03 năm 06 tháng về tội “Cướp giật tài sản”, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, theo bản án 57/2019/HS-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân quận 6. Chi cục thi hành án dân sự khu vực 10 trả lời Nguyễn Thanh T đã thi hành xong khoản nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu số 12702 ngày 19/3/2020. Chấp hành xong án phạt tù vào ngày 05/8/2021. Đã xóa án tích; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 09/3/2023 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 02/6/2023, Tòa án nhân dân quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử cai nghiện bắt buộc theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 182/QĐ-TA. Giấy chứng nhận chấp hành xong Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 539/CN-CSPV ngày 16/7/2024 của Nguyễn Thanh T đối với Quyết định trên. Chấp hành xong ngày 11/8/2024; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2025 – Có mặt.

Bị hại:

1/ Anh Ngô Hoàng P, sinh năm: 2000; Địa chỉ: 6 tỉnh lộ 7, ấp M, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

2/ Anh Nguyễn Trường N, sinh năm: 2005; Địa chỉ: 2 C, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Hoàng Thị K, sinh năm: 1971; Thường trú: Ấp S, xã D, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

2/ Ông Lê Công D, sinh năm: 1991; Địa chỉ: 1 P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

3/ Anh Lê Thanh D1, Địa chỉ: 1 D, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2020, Nguyễn Thanh T và Trần Vũ Anh B cùng chấp hành án tại trại giam X nên quen biết nhau. Ngày 26/10/2025, B đến ở nhà dì của B tại địa chỉ số B L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Do không có tiền tiêu xài nên B nảy sinh ý định đi tìm tài sản để trộm cắp rồi bán lấy tiền.

Đến khoảng 00 giờ 47 phút ngày 27/10/2025, B đi đến trước cửa hàng M địa chỉ số D L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh thì thấy xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 59P2-009.90 của anh Ngô Hoàng P, đang dựng trước cửa, không người trông coi và không có khóa cổ nên B lén lút đẩy trộm xe gắn máy trên về hướng đường P Sau đó B đẩy xe gắn máy ra đến đường T, phường P thì gặp 01 tài xế xe chạy ứng dụng BE nên nhờ đẩy về đến phòng trọ của Nguyễn Thanh T tại nhà không số, đường Đ, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh và trả cho tài xế xe BE 100.000 đồng. Tại đây, B nói với T đây là xe Bằng vừa trộm được, B hỏi chỗ để cò lê số 10 thì T chỉ chỗ trên kệ rồi B lấy cò lê số 10 có sẵn ở nhà Trường để tháo biển số 59P2-009.90 ra và để tại phòng trọ của T. Sau đó, B hỏi T chỗ để bán xe nhưng T nói không biết, B nói với T sẽ để xe gắn máy biển số 59P2-009.90 cho T sử dụng thì T đồng ý và sẽ cho B số tiền 500.000 đồng. Sau đó, B để xe gắn máy trên tại nhà Trường rồi đón xe ôm về lại nhà của dì tại địa chỉ số B L.

Đến khoảng 01 giờ ngày 29/10/2025, B tiếp tục đi bộ từ địa chỉ số B L, để đi tìm tài sản trộm cắp. Khoảng 02 giờ 08 phút ngày 29/10/2025, B đi đến trước cửa hàng M địa chỉ số B T, phường P, thì thấy xe gắn máy hiệu Honda Wave RSX biển số 61H1-305.06 của anh Nguyễn Trường N dựng bên hông không người trông coi và không có khóa cổ, nên lén lút đẩy trộm xe đi về đến phòng trọ của T. Khi đến phòng trọ của T, B lấy cò lê số 10 để tháo biển số 61H1-305.06 ra và thay vào biển số 59P2-009.90 có sẵn từ xe trộm cắp trước đó. Đến khoảng 14 giờ ngày 29/10/2025, B ở nhà Trường câu dây điện xe để chạy đi bán xe, do sợ bị camera quay lại nên Bằng tháo biển số 59P2-009.90 cất ở nhà Trường, B rủ T đi bán xe gắn máy hiệu Honda Wave RSX biển số 61H1-305.06, nhưng T bận việc nên B đi một mình. Sau đó, trên đường đi bán xe đến đường N giao với đường N, thì T chạy xe lên nói với B “để tao đi với mày”. Cả hai cùng đi đến khu vực đường P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh tìm người tên C (không rõ lai lịch – do trước đây B biết C làm nghề cầm đồ trên đường P, nhưng khi đến khu vực trên thấy C đang kéo xe bán rau dạo). Qua trao đổi, B bán xe cho C với giá 4.000.000 đồng, thì C đồng ý. Sau đó, B giao xe cho C tại khu vực kế bên trường Tiểu học P1, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, C đưa 4.000.000 đồng tiền mặt cho B, rồi T chở B về nhà.

Đến khoảng 22 giờ ngày 29/10/2025, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên B đón xe đến gần chợ X1, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh để tìm mua ma túy

thì gặp một nam thanh niên (không rõ lai lịch) tại khu vực hẻm A L, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, B mua 300.000 đồng ma túy đá và nỏ thủy tinh với giá 50.000 đồng từ nam thanh niên trên. Bằng nhận gói ma túy và trả tiền mặt, rồi B đón xe quay về nhà di của B tại địa chỉ số B L.

Vào sáng ngày 30/10/2025, B mua 03 hộp com và đem ma túy, nỏ thủy tinh qua nhà Trường để ăn cùng T và Nguyễn Thị Thanh H (sống chung như vợ chồng với T) sử dụng ma túy. Bằng lấy ống hút nhựa và chai nước có sẵn ở nhà Trường để chế tạo bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Sau đó, B bỏ ma túy vào nỏ thủy tinh rồi dùng bật lửa đốt nóng ma túy và hút trước 01 hơi rồi để xuống sàn nhà. Lúc này, T ở ngoài đi vào thì thấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy nên tự lấy và sử dụng. Trường H1 thì để xuống đất. Cả hai thay phiên nhau hút ma túy Bằng hút được khoảng 07 hơi, T hút được khoảng 04 hơi thì hết ma túy. Sử dụng ma túy xong, T tháo rời bộ dụng cụ sử dụng ma túy rồi đem vứt tại bãi tập kết rác trước nhà.

Đến ngày 30/10/2025, Cơ quan Công an xã B kiểm tra hành chính Trần Vũ Anh B đang điều khiển xe gắn máy biển số 52L4-3094 tại trước địa chỉ số D N, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. Kiểm tra hành chính Nguyễn Thanh T tại địa chỉ số B Đường số A, KDC P, ấp G, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh, cùng với xe gắn máy biển số 61H1-305.06. Cơ quan Công an đã mời B và T về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Nguyễn Thanh T và Trần Vũ Anh B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản kết luận định giá số 890/KL-HĐĐGTS ngày 19/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường P, vào thời điểm định giá ngày 29/10/2025, kết luận: “xe moto BS 61H1-305.06, số khung RLHJA3228EY078391, số máy JA32E0078498 trị giá 8.500.000 đồng.”

Tại bản kết luận định giá số 893/KL-HĐĐGTS ngày 19/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường P, vào thời điểm định giá ngày 27/10/2025, kết luận: “xe moto BS 59P2-009.90, số khung RLHJC43189Y070903, số máy JC43E0604196 trị giá 7.000.000 đồng.”

Vật chứng thu giữ:

- 01 biển số xe 61H1-305.06, thu được đang gắn trên xe gắn máy nhãn hiệu WAVE khi kiểm tra hành chính Nguyễn Thanh T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Hoàng Thị K (Sinh năm 1971; Nơi thường trú: Ấp S, xã D, Thành phố Hồ Chí Minh)

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave, 01 biển số 59P2-009.90, số khung: RLHJC43189Y070903, số máy: JC43E0604196, là xe gắn máy Bằng trộm cắp của anh Ngô Hoàng P. Qua xác minh xe gắn máy trên do ông Lê Công D, thường trú đứng tên chủ sở hữu, Qua làm việc với ông D được biết xe gắn máy

trên ông D mua vào năm 2014. Ông D tặng cho P (em họ của D) xe máy biển số 59P2-009.90 nhưng không làm thủ tục cho tặng và sang tên xe. Cơ quan điều tra đã trả lại xe gắn máy trên cho anh Lê Công D và anh D không có yêu cầu bồi thường gì khác.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A21S, số I: 351662611811193, là điện thoại Nguyễn Thanh T sử dụng cá nhân.

- 01 xe gắn máy biển số 52L4-3094, số khung: LZSPCHLJ1X2005729, số máy: ZS152FMH299000945. Qua xác minh xe gắn máy trên do anh Lê Thanh D1, nơi thường trú: 1 D, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh, đứng tên chủ sở hữu. Qua xác minh, tại thời điểm xác minh, địa chỉ trên không có ai tên Lê Thanh D1 đăng ký thường trú và không thực tế cư trú tại địa phương. Xe này B mượn của T, T mua trên mạng Facebook, không có giấy đăng ký xe của một người thanh niên không rõ lai lịch, Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu.

- 01 điện thoại di động hiệu Redmi, số Imei: 869241049311087, là điện thoại của Nguyễn Thanh T cho Trần Vũ A Bằng mượn để sử dụng cá nhân.

- 01 Cờ lê số 10, thu tại nhà của T, mà B dùng tháo biển số xe trộm cắp.

- 01 quần Jeans ống dài, màu đen; 01 áo sơ mi dài tay, màu đen.

- 01 quần Jeans ống dài, màu đen wax bạc và 01 áo sơ mi dài tay, màu đen.

Là trang phục Bằng mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Các vật chứng còn lại hiện đang nhập kho theo Phiếu nhập kho vật chứng số 51/PNK ngày 01/3/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H.

Phản dân sự: Tại Cơ quan điều tra, anh N xác định xe máy là của bà Hoàng Thị K (mẹ của anh N) mua và đưa cho anh sử dụng. Do đó, anh N yêu cầu bị cáo B bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho bà K do không thu hồi được xe 61H1-305.06, bị cáo Trần Vũ A Bằng chưa bồi thường số tiền trên cho bà K. Anh Ngô Hoàng P và ông Lê Công D không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại Bản cáo trạng số: 355/CT-VKS-KV9 ngày 19/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Vũ A Bằng tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Vũ A Bằng từ 02 năm tù đến 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Vũ A Bằng từ 05 năm tù đến 06 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 07 năm tù đến 09 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 01 năm tù đến 02 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 04 năm tù đến 05 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 05 năm tù đến 07 năm tù.

Về phần vật chứng vụ án đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Đánh giá hành vi của các bị cáo:

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đủ cơ sở để xác định: Đây là vụ án “Trộm cắp tài sản”, “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” do các bị cáo Trần Vũ A Bằng và Nguyễn Thanh T thực hiện hành vi phạm tội. Vào khoảng 00 giờ 47 phút ngày 27/10/2025, tại địa chỉ số D L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Trần

Vũ Anh B đã thực hiện hành vi trộm cắp xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 59P2-009.90 của anh Ngô Hoàng P, trị giá 7.000.000 đồng.

Vào khoảng 02 giờ 08 phút ngày 29/10/2025, tại địa chỉ số B T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Trần Vũ Anh B đã thực hiện hành vi trộm cắp xe gắn máy hiệu Honda Wave RSX biển số 61H1-305.06 của anh Nguyễn Trường N trị giá 8.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản trộm cắp 02 xe máy là 15.500.000 đồng.

Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T có hành vi giúp bị cáo B bán tài sản và đồng ý mua lại xe bị cáo B trộm cắp để sử dụng với giá 500.000 đồng (chưa đưa tiền).

Ngày 30/10/2025, tại Phòng trọ của bị cáo Nguyễn Thanh T, địa chỉ nhà không số đường Đê Bao R, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Trần Vũ Anh B cung cấp ma túy, chế tạo bộ dụng cụ sử dụng ma túy, bị cáo Nguyễn Thanh T cung cấp địa điểm để cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo Trần Vũ Anh B đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự và tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh T đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bản thân các bị cáo là người đã thành niên nhận thức được hành vi trộm cắp, sử dụng trái phép chất ma túy cũng như tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý phạm tội, chứng tỏ ý thức xem thường pháp luật của các bị cáo. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm để giáo dục các bị cáo nói riêng và để đảm bảo việc đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung cho toàn xã hội.

Các bị cáo phạm tội có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn. Bị cáo B là người cung cấp ma túy và bộ D2 để cùng bị cáo T sử dụng; bị cáo T là người cung cấp địa điểm sử dụng ma túy. Do đó hình phạt đối với bị cáo B phải nghiêm khắc hơn so với bị cáo T.

Đối với tài xế xe công nghệ B2 (không rõ lai lịch) đẩy xe giúp cho Trần Vũ Anh B, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục xác minh tiến hành xử lý sau. Do đó Hội đồng xét xử không xét.

Đối với Nguyễn Thị Thanh H, sống chung như vợ chồng với bị cáo Nguyễn Thanh T, đứng tên thuê phòng trọ địa chỉ nhà không số đường Đê Bao R, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng bị cáo T là người trả tiền phòng, việc các bị cáo T và B thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản, Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, H không tham gia, không biết nên không xử lý là có cơ sở. Do đó Hội đồng xét xử không xét.

Đối với Trần Thị Đ1 là chủ nhà trọ tại nhà không số, đường Đ, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh không biết việc B và T tổ chức sử dụng ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không tiến hành xử lý hình sự là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử không xét.

Đối với đối tượng tên C (chưa rõ lai lịch) mua xe gắn máy Wave, gắn biển số 59P2-009.90 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục xác minh tiến hành xử lý sau. Do đó Hội đồng xét xử không xét.

Đối với người thanh niên (chưa rõ lai lịch) bán ma túy cho B, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục xác minh tiến hành xử lý sau. Do đó Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo tại Cơ quan điều tra và trong phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Trần Vũ A Bằng phạm tội trộm cắp tài sản 02 lần, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự khi lượng hình đối với bị cáo.

Ngày 03/01/2020, bị cáo B có hành vi trộm cắp tài sản. Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ xử tù có thời hạn 02 năm 06 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 theo bản án số 13/2020/HS-ST ngày 10/6/2020 đối với Trần Vũ Anh B, chấp hành án theo Quyết định thi hành án số 29/2020/QĐ-CA ngày 17/7/2020. Xác minh tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 trả lời Bằng đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 04/01/2021. Chấp hành xong án phạt tù ngày 28/01/2022. Ngày 05/11/2022 có hành vi trộm cắp tài sản. Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử tù có thời hạn 02 năm 06 tháng theo bản án số 37/2023/HS-ST ngày 03/3/2023 về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Buộc Bằng bồi thường dân sự số tiền 554.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Chấp hành xong án phạt tù ngày 05/02/2025. Chưa xóa án tích. Qua xác minh tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 9 trả lời chưa nhận được bản án để thi hành, tuy nhiên, xác nhận Trần Vũ A Bằng có nộp 500.000 đồng (bao gồm 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và

300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm) và số tiền 554.000 đồng chuyển từ Trại giam T2 về Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú với tên Trần Vũ Anh B. Hội đồng bị can ngày 04/3/2026, B xác định nộp khoản tiền trên thi hành khoản tiền đền bù dân sự, án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo bản án 37/2023/HS-ST ngày 03/3/2023 của TAND quận Bình Tân. Chấp hành xong án phạt tù ngày 05/02/2025. Bản án này nhận định “*Bị cáo chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự*”. Tuy nhiên, phần Quyết định của bản án không áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Ngày 10/3/2026 Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh có thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 128/2026/TB-TA, bổ sung “điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015”. Nhận thấy, bản án này B đã chấp hành xong hình phạt tù, việc Tòa án ban hành thông báo sửa chữa, bổ sung là bất lợi cho bị cáo, do đó, lần phạm tội này không có cơ sở xác định Trần Vũ Anh B phạm tội thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*”. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo B có tiền án chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý. Do đó, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm. Vì vậy cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo khi lượng hình với cả hai tội.

Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có 02 lần do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự khi lượng hình đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo. Do đó, miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại Cơ quan điều tra, anh N xác định xe máy là của bà Hoàng Thị K (mẹ của N) mua và đưa cho anh sử dụng. Do đó, anh N yêu cầu bị cáo B bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho bà K do không thu hồi được xe máy hiệu Honda Wave RSX biển số 61H1-305.06, bị cáo Trần Vũ A Bằng chưa bồi thường số tiền trên cho bà K. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo B đồng ý bồi thường cho bà Hoàng Thị K số tiền 10.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo B có trách nhiệm bồi thường cho bà Hoàng Thị K số tiền 10.000.000 đồng. Anh Ngô Hoàng P và ông Lê Công D đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm do đó Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 biển số xe 61H1-305.06, thu được khi đang gắn trên xe gắn máy nhãn hiệu WAVE khi kiểm tra hành chính Nguyễn Thanh T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Hoàng Thị K (Sinh năm 1971; Nơi thường trú: Ấp S, xã D, Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó Hội đồng xét xử không xét.

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave, 01 biển số 59P2-009.90, số khung: RLHJC43189Y070903, số máy: JC43E0604196, là xe gắn máy Bằng trộm cắp của anh Ngô Hoàng P. Qua xác minh xe gắn máy trên do ông Lê Công D, thường trú đứng tên chủ sở hữu, Qua làm việc với ông D được biết xe gắn máy trên ông D mua vào năm 2014. Ông D tặng cho P (em họ của D) xe máy biển số 59P2-009.90 nhưng không làm thủ tục cho tặng và sang tên xe. Cơ quan điều tra đã trả lại xe gắn máy trên cho anh Lê Công D và anh D không có yêu cầu bồi thường gì khác. Do đó Hội đồng xét xử không xét.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A21S, số I: 351662611811193, là điện thoại Nguyễn Thanh T sử dụng cá nhân. Hội đồng xét xử xét thấy đây là vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội do đó cần trả lại cho bị cáo T.

- 01 xe gắn máy biển số 52L4-3094, số khung: LZSPCHLJ1X2005729, số máy: ZS152FMH299000945. Qua xác minh xe gắn máy trên do anh Lê Thanh D1, nơi thường trú: 1 D, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh, đứng tên chủ sở hữu. Qua xác minh, tại thời điểm xác minh, địa chỉ trên không có ai tên Lê Thanh D1 đăng ký thường trú và không thực tế cư trú tại địa phương. Xe này B mượn của T, T mua trên mạng Facebook, không có giấy đăng ký xe của một người thanh niên không rõ lai lịch. Hội đồng xét xử xét thấy xe không rõ nguồn gốc do đó cần thông báo trên phương tiện truyền thông đại chúng trong thời gian 06 tháng nếu chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp không đến nhận sẽ tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Redmi, số Imei: 869241049311087, là điện thoại của Nguyễn Thanh T cho Trần Vũ A Bằng mượn để sử dụng cá nhân. Hội đồng xét xử xét thấy đây là vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội do đó cần trả lại cho bị cáo T.

- 01 Cờ lê số 10, thu tại nhà của T, mà B dùng tháo biển số xe trộm cắp. Hội đồng xét xử xét thấy đây là vật chứng dùng vào việc phạm tội do đó cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 quần Jeans ống dài, màu đen; 01 áo sơ mi dài tay, màu đen. Hội đồng xét xử xét thấy đây là vật chứng không còn giá trị sử dụng, bị cáo không có yêu cầu nhận lại do đó cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 quần Jeans ống dài, màu đen wax bạc và 01 áo sơ mi dài tay, màu đen. Hội đồng xét xử xét thấy đây là vật chứng không còn giá trị sử dụng, bị cáo không có yêu cầu nhận lại do đó cần tịch thu tiêu hủy.

Các vật chứng còn lại hiện đang nhập kho theo Phiếu nhập kho vật chứng số 51/PNK ngày 01/3/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Bị cáo Trần Vũ Anh B phải chịu thêm án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Vũ A Bằng 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Vũ Anh B 05 (năm) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/11/2025.

Áp dụng: khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 04 (bốn) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/11/2025.

[2] Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Trần Vũ A Bằng có trách nhiệm bồi thường cho bà Hoàng Thị K số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 Cờ lê số 10; 01 quần Jeans ống dài, màu đen; 01 áo sơ mi dài tay, màu đen; 01 quần Jeans ống dài, màu đen wax bạc và 01 áo sơ mi dài tay, màu đen.

- Trả lại cho bị cáo T: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A21S, số Imei: 351662611811193; 01 điện thoại di động hiệu Redmi, số Imei: 869241049311087

- Giao cho Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng đối với: 01 xe gắn máy biển số 52L4-3094, số khung: LZSPCHLJ1X2005729, số máy: ZS152FMH299000945. Nếu hết thời hạn 06 tháng mà chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp không đến nhận thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

(Các vật chứng trên hiện đang nhập kho theo Phiếu nhập kho vật chứng số 51/PNK ngày 01/3/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H)

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Vũ Anh B phải nộp 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[6] Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND KV9-TP.HCM;
- Trại giam tạm giam Chí Hòa – Phân
trại tạm giam Phú Thọ Hòa;
- Phòng PC06 – Công an TP.HCM;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Ngọc Phụng

[6] Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA